

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA



Nagakawa[®]

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2018



 **Nagakawa**[®]

BỀN
Sẻ chia là gắn kết

 **Nagakawa** *Tiêu chuẩn của cuộc sống*

TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
Báo cáo thường niên | 2018

1. 1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**
- Tên tiếng Anh **NAGAKAWA GROUP JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **NAGAKAWA**
- Mã cổ phiếu **NAG**

LOGO



- Vốn điều lệ: 148.495.780.000 đồng
(Một trăm bốn tám tỉ, bốn trăm chín lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2500217389 cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 08 năm 2017
- Địa chỉ Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại: (024) 3 873 568
- Fax: (024) 3 873 569
- Email: banquanhecodong@nagakawa.com.vn
- Website: www.nagakawa.com.vn

2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập năm 2002 tại Tỉnh Vĩnh Phúc, tên giao dịch Nagakawa Viet Nam joint venture company.

Ngày 22/09/2009 Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam chính thức niêm yết 10 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là mốc son quan trọng đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của Nagakawa Việt Nam.

Năm 2002



Năm 2009



Năm 2007

Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 UBND tỉnh Vĩnh Phúc; hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21/03/2007.

Năm 2010

Ngày 25/09/2010, Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam nhận được quyết định số 651/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2009 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ.



Ngày 16/02/2012 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 70/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 2.500.000 cổ phiếu phát hành theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 762/UB-CK-GCN. Ngày 31/8/2012 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 436/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 14.849.578 cổ phiếu.



Ngày 21/08/2017 kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty, Nagakawa chính thức đầu tư vào ngành hàng Gia dụng và chuyển đổi hình thức Công ty, trở thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Naga-kawa. Đây là bước thành công lớn, đánh dấu 15 năm hình thành và phát triển của Nagakawa.

Năm 2012

Năm 2017



Năm 2013

Thành lập công ty Cổ phần may KLV Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần đầu số 2500504721 ngày 26 tháng 07 năm 2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đánh dấu sự gia nhập vào ngành sản xuất hàng may mặc của Tập đoàn.

Các thành tích đã đạt được

- Giải thưởng Thương hiệu gia đình tin dùng năm 2017
- Top 10 Thương hiệu tiêu biểu Châu Á – Thái Bình Dương năm 2017
- Và các giải thưởng cao quý khác.



3 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn Nagakawa gồm:

ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

BỀN

Sẻ chia là gắn kết



ĐẢO GIÓ
3D



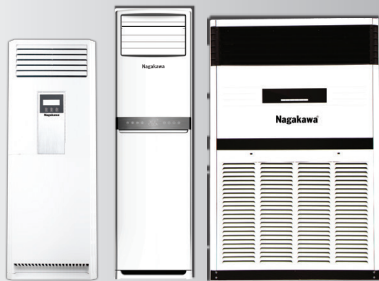
MÔI CHẤT
MỚI R410A



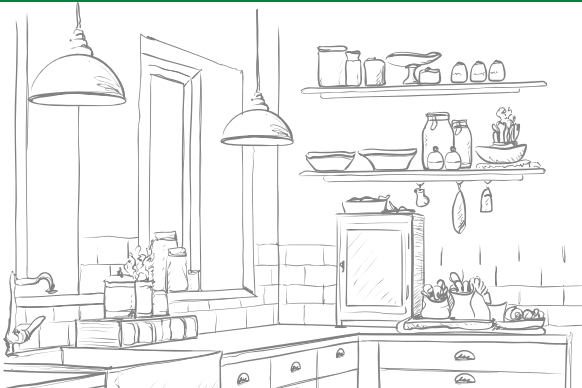
ỐNG ĐỒNG
NGUYÊN CHẤT
RẪNH XOẢN



PHIN LỌC
CÔNG NGHỆ CAO



Sản phẩm điện lạnh gia dụng



ĐIỆN GIA DỤNG & THIẾT BỊ NHÀ BẾP



XUẤT KHẨU HÀNG MAY MẶC



NHÀ THẦU CƠ ĐIỆN LẠNH

NHÀ HÁT TỈNH VĨNH PHÚC

Chi tiết các ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất đồ điện lạnh: sản phẩm điện lạnh gia dụng và điều hòa không khí
- Sản xuất sản phẩm điện tử gia dụng và thiết bị nhà bếp
- Sản xuất hàng may mặc
- Nhà thầu cơ điện lạnh (Các công trình sử dụng điều hòa)



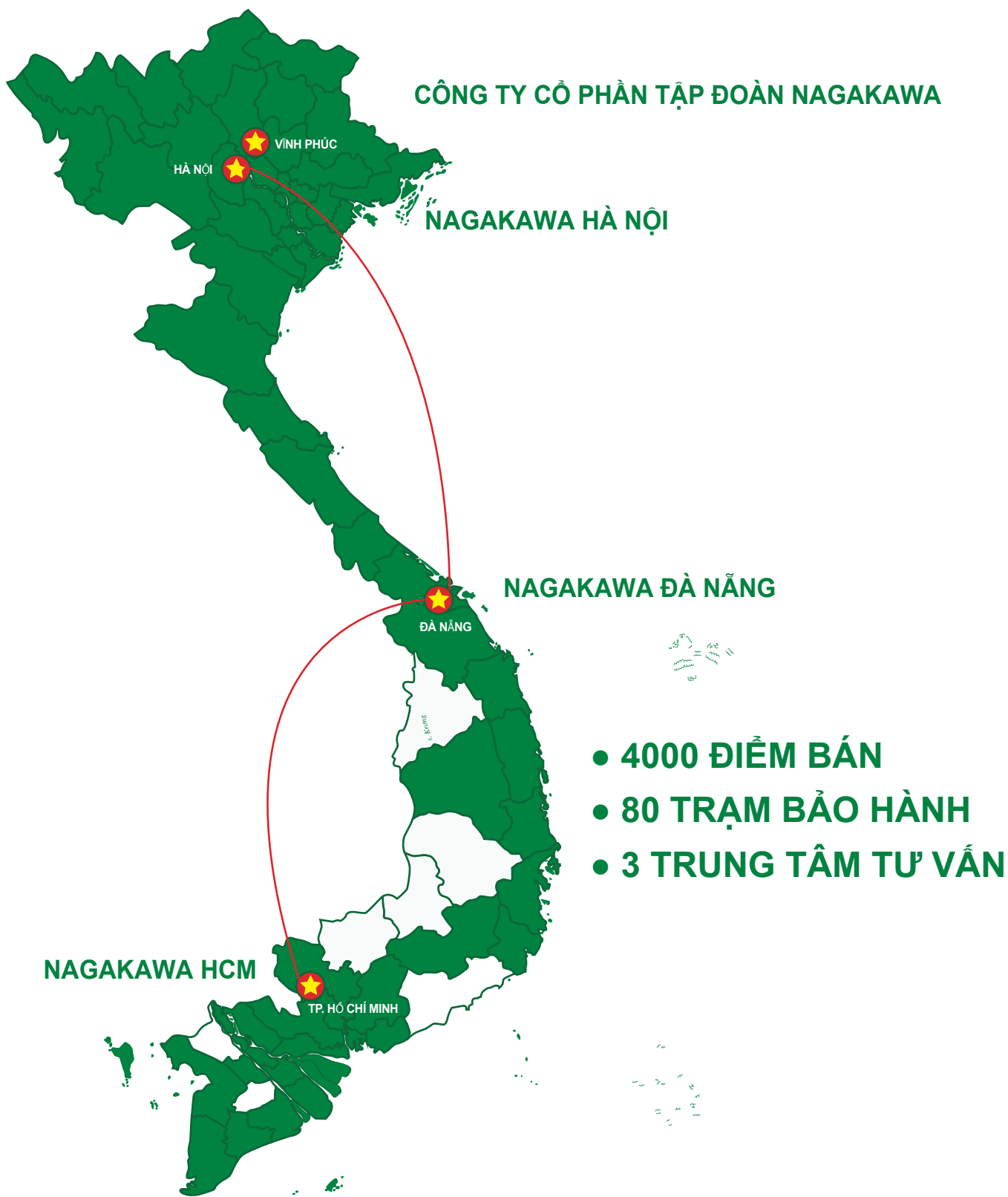
HỘI NGHỊ KHÁCH HÀNG





BỀN
Sẻ chia là gắn kết





ĐỊA BÀN KINH DOANH

An Giang	Đà Nẵng	Hòa Bình	Quảng Ngãi	Hưng Yên
Bà Rịa - Vũng Tàu	Điện Biên	Hồ Chí Minh	Quảng Ninh	Khánh Hòa
Bắc Kạn	Đồng Nai	Tuyên Quang	Quảng Trị	Lai Châu
Bắc Giang	Đồng Tháp	Nam Định	Sóc Trăng	Lào Cai
Bắc Ninh	Gia Lai	Nghệ An	Sơn La	Lạng Sơn
Bến Tre	Hà Giang	Ninh Bình	Tây Ninh	Lâm Đồng
Bình Dương	Hà Nam	Ninh Thuận	Thái Bình	Long An
Bình Định	Hà Nội	Phú Thọ	Thái Nguyên	Trà Vinh
Cà Mau	Hà Tĩnh	Phú Yên	Thanh Hóa	Yên Bái
Cao Bằng	Hải Dương	Quảng Bình	Thừa Thiên - Huế	Vĩnh Long
Cần Thơ (TP)	Hải Phòng	Quảng Nam	Vĩnh Phúc	



HỘI NGHỊ HÀ NỘI

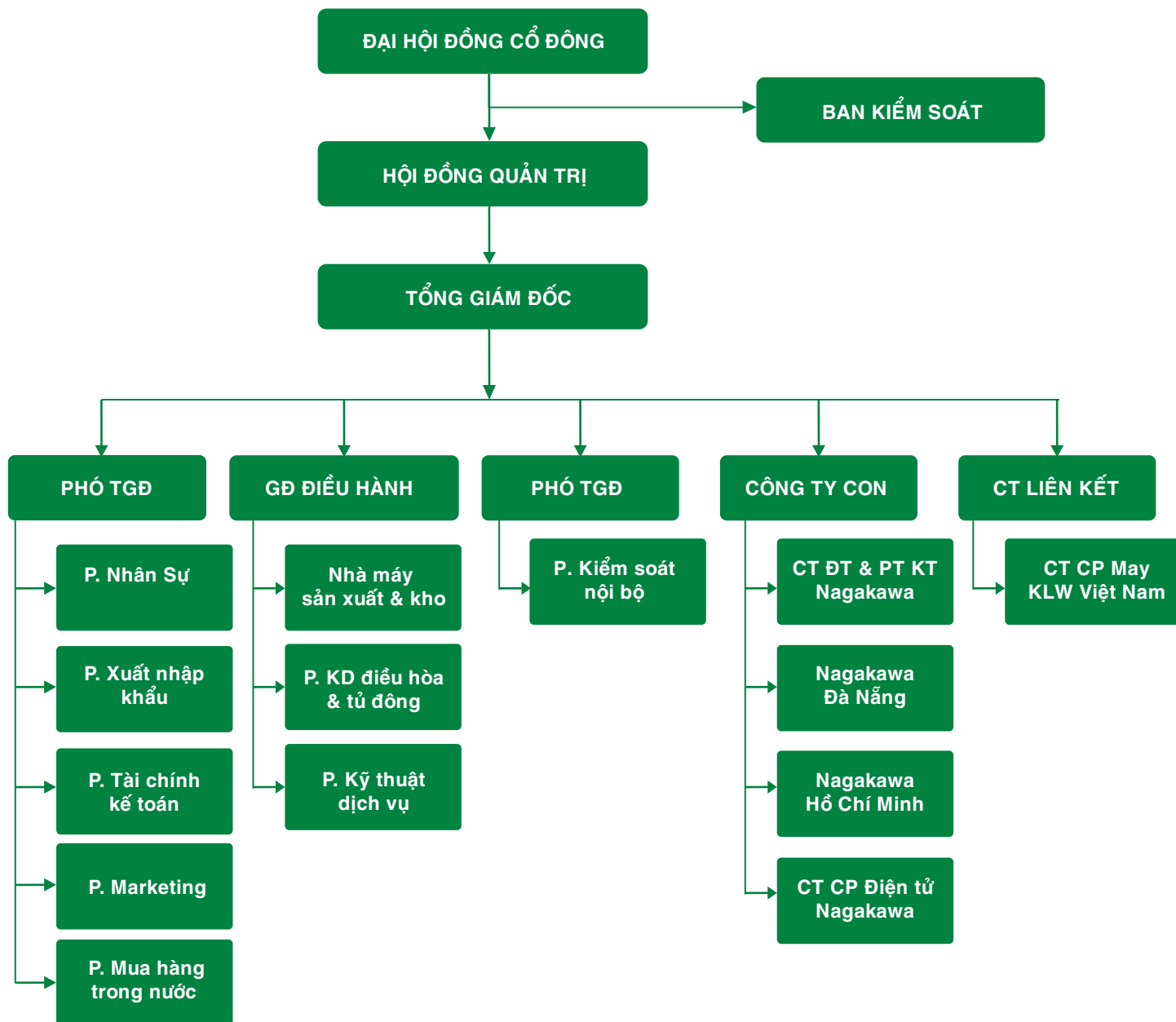


HỘI NGHỊ HỒ CHÍ MINH



1.4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Sơ đồ bộ máy quản trị công ty



1.4.1. Các công ty con, công ty liên kết

1.4.1.1. Công ty con

■ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Kỹ thuật Nagakawa

- Tên viết tắt: Nagakawa – IDT.
- Địa chỉ đăng ký : Phúc Thắng - Phúc yên - Vĩnh phúc.
- Vốn điều lệ : 12.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 80% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 20% vốn điều lệ.
- Ngành nghề : Tư vấn - Thiết kế - Thi công các công trình Cơ điện & Điều hòa không khí cho các công trình Dân dụng và Công nghiệp.

■ Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên viết tắt: Nagakawa Hồ Chí Minh - NAH
- Địa chỉ đăng ký : Số 25 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ : 9.700.000.000 (Chín tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn)
Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 49% vốn điều lệ.
- Ngành nghề : Cung cấp các sản phẩm điều hòa không khí, tủ đông, điện gia dụng.

■ Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng

- Tên viết tắt : Nagakawa Đà Nẵng - NAD
- Địa chỉ đăng ký : 94 Nam Trân, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ : 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 52% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 48% vốn điều lệ.
- Ngành nghề : Cung cấp các sản phẩm điều hòa không khí, tủ đông, gia dụng & thiết bị nhà bếp.

■ Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa

- Tên viết tắt : Nagakawa Điện tử - NAE
- Địa chỉ đăng ký : Tầng 2, số 96 A, Định Công, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 49% vốn điều lệ.
- Ngành nghề : Cung cấp các sản phẩm gia dụng

1.4.1.2. Công ty liên kết

■ Công ty CP May KLV Việt Nam.

- Tên viết tắt : KLV Việt Nam
- Địa chỉ đăng ký : Phúc Thắng - Phúc Yên - Vĩnh phúc.-
- Vốn điều lệ : 25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 48% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 52% vốn điều lệ.
- Ngành nghề: Sản xuất hàng may sẵn, trang phục dệt kim, đan móc; hoàn thiện sản phẩm dệt

1.5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

ĐỊNH HƯỚNG:

Mục tiêu cho ba năm tới của NAGAKAWA là tiếp tục mở rộng thị phần và đầu tư, đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 2-3% đối với sản phẩm Điều hòa không khí, phát triển ngành hàng gia dụng trở thành một trong ba thương hiệu gia dụng Việt lớn nhất trên thị trường; củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

THUẬN LỢI:

Theo đánh giá của Chính phủ, tình hình kinh tế xã hội trong nước những tháng đầu năm tiếp tục chuyển biến đạt kết quả khả quan, kinh tế vĩ mô vẫn đang đi vào ổn định.

- Việt Nam hội nhập sâu rộng với nhiều Hiệp định thương mại tự do được ký kết: FTA, TPP,... giúp đầu tư nước ngoài tăng mạnh, tạo nhiều cơ hội đầu tư mới hơn nữa cho chúng ta. Đồng thời mang lại động lực và điều kiện cho Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, góp phần đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại vào năm 2020, nâng cao đời sống, tinh thần của người dân, khẳng định vị trí của Việt Nam trong khu vực và thế giới.

- Nhờ những chính sách cạnh tranh đúng đắn và chiến lược Marketing phù hợp, cùng những nỗ lực không ngừng nghỉ của CBCNV công ty, trong 2 năm 2017 và 2018, chúng ta tiếp tục đón nhận tình cảm và niềm tin của người tiêu dùng Việt, sản phẩm của chúng ta được khách hàng đón nhận rất nhiệt tình.

- Mở rộng thị phần ngành nghề mới, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may và gia dụng, sẽ tạo điều kiện cho chúng ta gia tăng doanh số và lợi nhuận các tháng tiếp theo của năm 2019.

THÁCH THỨC:

Trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sẽ mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội vô cùng to lớn, nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù có nhiều thuận lợi ủng hộ ngành điện lạnh phát triển, nhưng chúng ta cũng không được chủ quan với những cảnh báo thách thức sau:

- Sự lên giá của đồng USD, trong khi đó, đồng Việt Nam hiện vẫn đang được neo giữ với USD sẽ có xu hướng tăng giá thực so với các đồng tiền còn lại cùng với tình hình lạm phát có dấu hiệu tăng trong những tháng cuối năm.

- Đồng Nhân dân tệ mất giá so với đồng VND sẽ thúc đẩy hàng hóa Trung Quốc tràn về Việt Nam với cường độ lớn hơn, nhập siêu từ Trung Quốc theo đó nhiều khả năng sẽ trầm trọng hơn.

- Giá kim loại và vật tư linh kiện trong năm 2018 có diễn biến phức tạp, khó dự đoán do ảnh hưởng từ nguồn cung dầu cũng như tình hình chính trị phức tạp trên thế giới.

- Thời tiết đang diễn biến phức tạp, không theo quy luật nên khó dự báo trước, nắng hạn ở miền Tây và Tây Nguyên lan sang cả miền Trung, ngập mặn đã làm cho nhiều tỉnh mất mùa, ảnh hưởng nặng nề đến chi tiêu và xu hướng tiêu dùng của người dân.

- Đầu tư nước ngoài tăng nhanh nên lao động ngày càng khó khăn, tiền lương, công tăng làm cho giá thành tăng cao. Và hội nhập sâu đã làm cho cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt hơn bao giờ hết, giá bán giảm làm cho lợi nhuận giảm.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và triển vọng các lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn Nagakawa, HĐQT đề ra những mục tiêu cho năm 2019 như sau:

1.5.1 CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Phát triển ngành hàng Gia dụng, đưa Tập đoàn Nagakawa vào top đầu ngành hàng Gia dụng tại Việt Nam. Việc gia nhập thị trường này thể hiện cam kết của Nagakawa vào việc phát triển và áp dụng những công nghệ tiên tiến để tạo ra những sản phẩm mới có giá trị cao phù hợp với thị trường Việt Nam và tâm lý tiêu dùng của người Việt. Nagakawa hy vọng rằng bộ sản phẩm mới lần này sẽ làm phong phú thêm cho thị trường điện lạnh, gia dụng Việt Nam.

Đối với dòng sản phẩm truyền thống Điều hòa không khí:

Với thế mạnh của nhà sản xuất lâu đời tại Việt Nam, Nagakawa vận động liên tục, đổi mới liên tục trong việc phát triển sản phẩm mới; Tiên phong trong đột phá công nghệ, năm 2019, Nagakawa sẽ cho ra mắt những dòng sản phẩm điều hoà thế hệ mới với hàm lượng công nghệ cao. Đó, chính là dòng sản phẩm điều hoà công nghiệp VRF thế hệ mới, kết nối được với hệ thống BMF Toà nhà thông minh, cung cấp giải pháp điều hoà không khí tối ưu cho các công trình hiện đại.

Năm 2019, Nagakawa tiếp tục Thực hiện Công ước và Nghị định thư Montreal cùng cam kết với Ngân hàng thế giới - World Bank về việc loại bỏ chất suy giảm tầng Ozone HCFC giai đoạn 2, để bảo vệ môi trường, Nagakawa cho ra đời dòng sản phẩm Điều hòa không khí thế hệ mới sử dụng môi chất- gas R32 thân thiện với môi trường và dòng sản phẩm điều hòa không khí Multi Inverter, một mẹ nhiều con, tiết kiệm điện năng, mở rộng không gian sống, phù hợp với thiết kế hiện đại, tiện nghi của các căn hộ chung cư cao cấp.

Đẩy mạnh hoạt động Marketing nhằm giới thiệu sản phẩm mới tới người tiêu dùng cả nước, cụ thể là:

Đổi mới hoạt động Marketing để thương hiệu có bước đột phá mới.

Thực hiện hiệu quả các hoạt động Marketing trên kênh truyền thống: hỗ trợ công tác bán hàng cho các đại lý với biển bảng, in ấn thiết kế phù hợp cửa hàng; thực hiện các hội nghị khách hàng nhằm trực tiếp chăm sóc, tri ân và giới thiệu sản phẩm tới nhà phân phối, đại lý, cửa hàng hoặc các thành viên của các hội điện lạnh trên toàn quốc; thực hiện truyền thông quảng cáo và tài trợ phát thanh truyền hình trên các Đài truyền hình có số lượng người xem lớn và phù hợp với thương hiệu.

Áp dụng các giải pháp Marketing hiện đại, khai thác lợi thế tiên phong trong việc triển khai Digital Marketing, giúp tối ưu công nghệ số để đạt được hiệu quả cao nhất cho các mục tiêu truyền thông tiếp thị như thúc đẩy nhận diện thương hiệu, gia tăng sản lượng, doanh thu cho công ty.

- Bắt kịp với xu thế và áp dụng những ứng dụng hiện đại nhất từ cuộc cách mạng 4.0, Tập đoàn Nagakawa sẽ áp dụng chính sách bảo hành điện tử, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu Big Data về khách hàng và thiết lập mạng lưới Digital Services để đem tới cho khách hàng dịch vụ chăm sóc sau bán hoàn hảo, tận tâm và chuyên nghiệp nhất.

- Bên cạnh đó là việc đẩy mạnh các chương trình bán hàng hấp dẫn, chính sách bán hàng tối ưu hỗ trợ các nhà phân phối, đại lý có điều kiện thuận lợi nhất để bán hàng được tốt hơn.

- Phát huy thế mạnh, tận dụng lợi thế cạnh tranh của thương hiệu Nagakawa. Xây dựng Nagakawa IDT trở thành một nhà thầu cơ điện lạnh uy tín tại Việt Nam. Ưu tiên đầu tư cho mảng dự án nhằm gia tăng uy tín thương hiệu cũng như doanh số, lợi nhuận cho công ty.

- Tiếp tục đầu tư phát triển lĩnh vực Dệt may, mở rộng quy mô lĩnh vực kinh doanh, đón đầu những thuận lợi từ Hội nhập kinh tế quốc tế, nắm bắt cơ hội kinh doanh mới đầy triển vọng.

1.5.2. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiếp tục phấn đấu, cải tiến chất lượng, ứng dụng công nghệ xanh, kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong các hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc và đời sống cho cán bộ công nhân viên, khuyến khích cán bộ công nhân viên cùng tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội của công ty, cùng công ty phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

1.6. Các rủi ro

RỦI RO KINH TẾ

Khi Việt Nam tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều những khó khăn, thách thức như:

- Khi thị trường mở rộng, các công ty của nước ngoài cũng sẽ có những cơ hội thuận lợi để thâm nhập thị trường trong nước. Đặt trên cán cân, rõ ràng các doanh nghiệp nước ngoài có lợi thế nguồn lực như vốn, trình độ sản xuất và quản lý, kinh nghiệm thương trường lớn mạnh hơn nhiều so với các doanh nghiệp trong nước. Điều này đặt doanh nghiệp Việt Nam trước nguy cơ không đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, dễ bị cạnh tranh, khó phát triển.
- Về vấn đề rào cản kỹ thuật và yêu cầu về xuất xứ hàng hóa nghiêm ngặt. Đối với các FTA Việt Nam mới ký kết, gia nhập gần đây thì các quy tắc xuất xứ đều theo xu hướng là gia tăng giá trị tại Việt Nam trong khu vực các nước tham gia FTA.
- Ngành công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics ở Việt Nam chưa phát triển mạnh nên chi phí của nền kinh tế sẽ còn cao so với các quốc gia khác.

Hoạt động của Tập đoàn Nagakawa chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng như thị trường tài chính tiền tệ. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng. Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Tập đoàn Nagakawa chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp của Công ty.

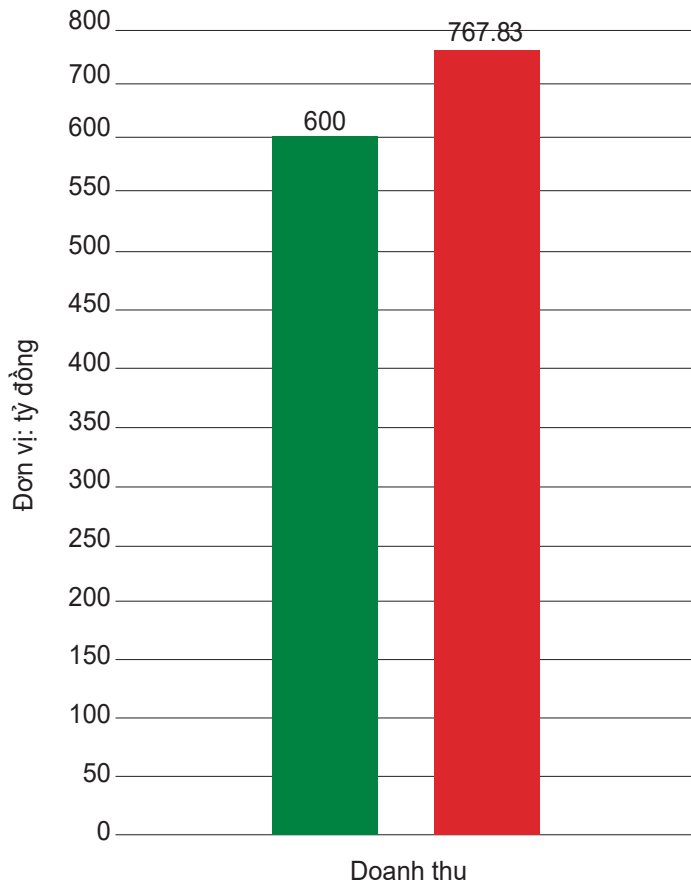
RỦI RO THƯƠNG MẠI VÀ TÀI CHÍNH

- Đối với ngành Điện lạnh – Gia dụng, cuộc đọ sức tại thị trường Việt Nam vô cùng khốc liệt với sự tham gia của gần 100 nhóm hàng với các chính sách bán hàng vô cùng cạnh tranh.
- Trong hoạt động dự án công trình, rủi ro nằm ở thời gian công trình thi công chậm, khả năng tài chính dự án giới hạn; đối với mảng kinh doanh là hoạt động thu hồi nợ phải thu khách hàng
- Rủi ro tài chính liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ giá thành, chi phí bộ máy, chi phí tài chính trong bối cảnh thị trường cạnh tranh vô cùng khốc liệt.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

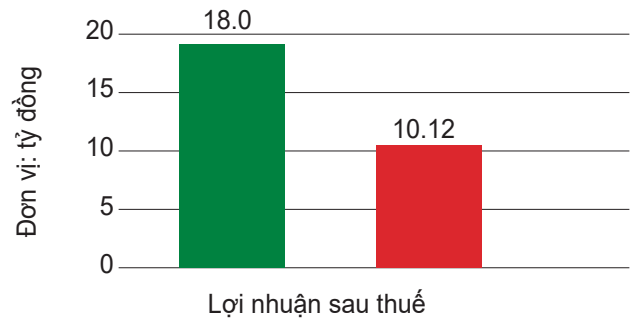
Những thay đổi về môi trường pháp lý trong các lĩnh vực về luật thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chứng khoán yêu cầu Công ty luôn phải cập nhật và đánh giá tác động đến các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



767.829.725.239

đồng **DOANH THU**



10.121.802.052

đồng **LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ HOÀN THÀNH
1	Doanh thu	600.000.000.000	767.829.725.239	128%
2	Lợi nhuận sau thuế	18.000.000.000	10.121.802.052	56,2%

Nhìn lại kết quả hoạt động năm 2018, chúng ta thấy được:

- Năm 2018, chúng ta đã tiếp tục tăng cường niềm tin từ đại lý và khách hàng trên cả nước, doanh thu tăng 50,8% so với năm 2017 và đạt 128% so với kế hoạch năm 2018, thể hiện sự khẳng định thương hiệu Nagakawa đã chiếm lĩnh thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.

Mặc dù đã có mức tăng trưởng đáng kể về doanh thu, nhưng lợi nhuận giảm 36,9% so với năm 2017 và đạt 56,2% so với kế hoạch năm 2018. Nhìn nhận lại chúng ta thấy có những nguyên nhân sau:

- Mặc dù sản lượng tăng nhưng giá bán giảm do sức ép từ cạnh tranh với hàng giá rẻ của Trung Quốc.
- Một số dự án chưa được quyết toán do chủ đầu tư thanh toán chậm.

Chưa có tăng trưởng ở lợi nhuận, do:

- Chúng ta vừa gia tăng ngân sách Marketing để phát triển ngành hàng gia dụng, gia nhập thị trường
- Áp dụng nhiều chương trình giảm giá và thúc đẩy bán hàng cho cả ngành điều hòa và gia dụng mạnh mẽ.



2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị/ Ban điều hành và ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Khả

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc • Ngày sinh: 02/12/1959

- Nơi sinh : Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :

- Từ 1981 đến 1984: Sở Văn Hoá Hà Bắc
- Từ 1984 đến 1992: Phòng Văn hoá huyện Gia Lương - Bắc Ninh
- Từ 1993 đến 2000: Phó Giám đốc – Công ty XNK Bách Hoá Hà Nội
- Từ 2001 đến 2002: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ
- Từ 2002 đến 2014: Chủ tịch HĐQT
- Từ 2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Nagakawa

- Số cổ phần nắm giữ: 5.148.000 cổ phần



Ông Nguyễn Đức Khả
CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Thị Huyền Thương

Phó CT HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc • Ngày sinh: 13/10/1983

- Nơi sinh : Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Nam Đồng – Đống Đa – Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ
- Quá trình công tác :

- Từ 2004 – 2006: Trưởng phòng HCNS Tập đoàn Nagakawa
- Từ 2006 – 2008: Phó phòng Xuất nhập khẩu – Tập đoàn Nagakawa
- Từ 2008 – 2010: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu – Tập đoàn Nagakawa
- Từ 2010 - 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Nagakawa
- Từ 2017 - nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Nagakawa

- Số cổ phần nắm giữ: 607.603 cổ phần.



Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT & PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Đào Thị Soi

- Thành viên HĐQT • Ngày sinh: 30/08/1960
- Nơi sinh : Gia Bình – Bắc Ninh.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 1981 – 1986 : Giáo viên trường THCS Trung Chính – Bắc Ninh
 - Từ 1987 – 2006 : Giáo viên trường THCS Hữu Hoà - Hà Nội
 - Từ 2007 – 2008 : Trưởng phòng QCC – Tập đoàn Nagakawa
 - Từ năm 2008 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Nagakawa
- Số cổ phần đại diện nắm giữ: 2.772.897 cổ phần (Công ty TNHH PT KT Quốc tế Anh Vũ).



Bà Đào Thị Soi
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Ngọc Quý

- Thành viên HĐQT • Ngày sinh: 22/02/1978
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tương Mai – Hoàng Mai – Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 2013 – nay: Giám đốc khối dự án – Tập đoàn Nagakawa
 - Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT – Tập đoàn Nagakawa
- Số cổ phần nắm giữ: 11.800 cổ phần.



Ông Nguyễn Ngọc Quý
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Trương Đào Hải Hà

- Thành viên HĐQT • Ngày sinh: 12/10/1981
- Nơi sinh: Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tương Mai – Hoàng Mai – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - Từ 2013 – 2015: Kế toán - CTCP Nagakawa Việt Nam
 - 2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP May KLV Việt Nam
 - Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Tập đoàn Nagakawa
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.



Bà Trương Đào Hải Hà
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Huy Thị Dung

- Kế toán trưởng • Ngày sinh: 01/06/1979
- Nơi sinh : Hoài Đức – Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : KĐT Xa La – Hà Đông – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 2002 - 2005 : Kế toán trưởng - CTCP Lucky Star
 - Từ 2006 - 2007 : Kế toán trưởng – Tập đoàn Nagakawa
 - Từ 2008 - 2010 : Kế toán trưởng - Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội
 - Từ 2010 - nay : Kế toán trưởng – Tập đoàn Nagakawa
- Số cổ phần nắm giữ: 3.684 cổ phần.



Bà Huy Thị Dung
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

- Trưởng ban kiểm soát • Ngày sinh: 10/08/1977
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Hai Bà Trưng – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 2001 - 2003 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Media
 - Từ 2003 - 2006 : Trưởng phòng sản xuất - Tập đoàn Nagakawa
 - Từ 2007 - 2013 : Giám đốc nhà máy sản xuất điều hòa – Tập đoàn Nagakawa
 - Từ 2014 - nay : Phó Giám đốc CT CP May KLV Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Bà Vũ Thị Hải Yến

- TV Ban kiểm soát • Ngày sinh: 13/11/1983
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Võ Cường – TP Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác :
 - Từ 2005 - 2006 : Kế toán tại công ty TNHH TM Tùng Chi
 - Từ 2006 - 2013 : Kế toán giá thành tại CTCP Nagakava Việt Nam
 - Từ 2015 đến nay: Kế toán trưởng tại công ty TNHH MTV Taxi Hà Nội Bắc Ninh
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Ông Vũ Tiến Thành

TV Ban kiểm soát

- Ngày sinh : 17/08/1989
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Lương Tài – Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - Từ 2011 - 2014: Kỹ sư điện lạnh – Tập đoàn Nagakawa
 - Từ 2014 - nay : Trưởng phòng KTDV – Tập đoàn Nagakawa.
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần.

2.2.2 Lao động và chính sách với người lao động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa xác định nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của doanh nghiệp và đào tạo nhân viên thông qua các chương trình nâng cao năng lực để đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Số lượng CBCNV đến hết năm 2018 là 506 người.

2.3. Thay đổi thành viên HĐQT; Chủ tịch; Ban Tổng Giám Đốc; Ban kiểm soát; kế toán trưởng: Không

2.4. Chính sách đối với người lao động

- Thực hiện theo Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở Công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động.

- Căn cứ quy định danh mục các địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng.

- Căn cứ các văn bản liên quan.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa xin đăng ký mức lương tối thiểu vùng 2 với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 3.552.400 đồng/tháng/người, mức lương tối thiểu vùng 1 là 4.012.500 đồng/tháng/người kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và Công ty tự xây dựng thang bảng lương áp dụng cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

- Mức lương trung bình của người lao động Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa trong năm 2018 là 13.247.770 VNĐ/ người/ tháng.

13.247.770

VNĐ/NGƯỜI/THÁNG



HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ



2.3. Tình hình hoạt động kinh doanh

2.3.1. Công ty con.

CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ NAGAKAWA (NAE)

CHỈ TIÊU	2017	2018	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	11.723.751.288	108.214.904.864	823%
Doanh thu thuần	5.607.613.260	130.844.131.170	2233%
Lợi nhuận từ HĐKD	(670.040.484)	4.232.450.137	
Lợi nhuận khác	70.000	(217.356.812)	
Lợi nhuận trước thuế	(669.970.484)	4.015.093.325	
Lợi nhuận sau thuế	(669.970.484)	3.344.568.757	

Đơn vị tính: VNĐ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT NAGAKAWA (IDT)

CHỈ TIÊU	2017	2018	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	39.668.752.303	39.909.991.907	1%
Doanh thu thuần	72.975.464.538	24.202.593.052	(67)%
Lợi nhuận từ HĐKD	288.721.944	131.726.635	(54)%
Lợi nhuận khác	(281.328.713)	2.590.448	
Lợi nhuận trước thuế	70.393.231	134.317.083	91%
Lợi nhuận sau thuế	(110.431.691)	107.862.565	(66)%

Đơn vị tính: VNĐ



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA ĐÀ NẴNG

CHỈ TIÊU	2017	2018	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	13.101.182.038	27.404.991.5308	109%
Doanh thu thuần	37.457.985.555	48.093.675.272	28%
Lợi nhuận từ HĐKD	1.198.884.165	131.647.204	(89)%
Lợi nhuận khác	(46.822.672)	45.773.661	
Lợi nhuận trước thuế	1.152.061.493	177.420.865	(85)%
Lợi nhuận sau thuế	912.279.720	139.291.424	(85)%

Đơn vị tính: VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỈ TIÊU	2017	2018	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	13.101.182.038	27.404.991.530	109%
Doanh thu thuần	37.457.985.555	48.093.675.272	28%
Lợi nhuận từ HĐKD	1.198.884.165	131.647.204	(89)%
Lợi nhuận khác	(46.822.672)	45.773.661	
Lợi nhuận trước thuế	1.152.061.493	177.420.865	(85)%
Lợi nhuận sau thuế	912.279.720	139.291.424	(85)%

Đơn vị tính: VNĐ



2.3.2. Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY KIW VIỆT NAM

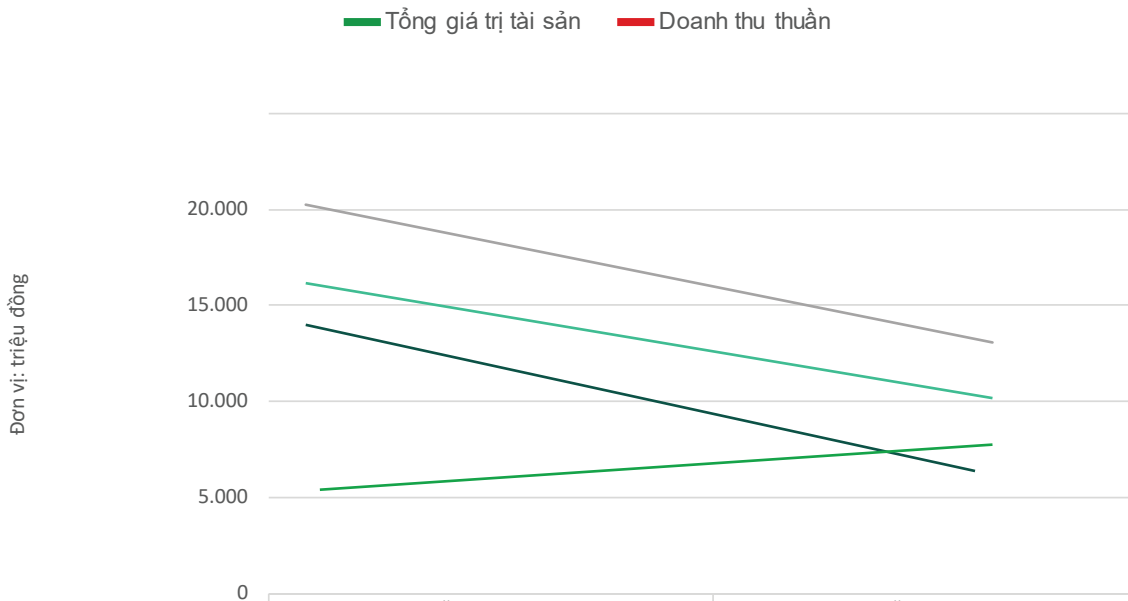
CHỈ TIÊU	2017	2018	% TĂNG/ GIẢM
Tổng giá trị tài sản	47.614.586.896	53.865.809.493	13%
Doanh thu thuần	78.551.669.754	103.510.575.528	32%
Lợi nhuận từ HĐKD	2.556.640.494	3.910.645.724	53%
Lợi nhuận khác	(371.856.289)	(273.594.794)	(26)%
Lợi nhuận trước thuế	2.184.784.205	3.637.050.930	66%
Lợi nhuận sau thuế	2.184.784.205	3.637.050.930	66%

2.4. Tình hình tài chính của Tổng công ty

2.4.1. Tình hình tài chính



	Năm 2017	Năm 2018
Tổng giá trị tài sản	360.803	613.801
Doanh thu thuần	502.683	775.741



	Năm 2017	Năm 2018
Lợi nhuận từ HĐKD	14.919	6.229
Lợi nhuận khác	5.458	7.675
Lợi nhuận trước thuế	20.378	13.904
Lợi nhuận sau thuế	16.035	10.121

■ Lợi nhuận từ HĐKD
 ■ Lợi nhuận khác
 ■ Lợi nhuận trước thuế
 ■ Lợi nhuận sau thuế

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm
	<i>ĐVT: đồng</i>	<i>ĐVT: đồng</i>	
Tổng giá trị tài sản	360.803.445.945	613.801.111.355	70,12%
Doanh thu thuần	502.683.284.393	755.741.091.040	50,34%
Lợi nhuận từ HĐKD	14.919.718.376	6.229.880.586	(58,24)%
Lợi nhuận khác	5.458.419.870	7.675.090.318	40,61%
Lợi nhuận trước thuế	20.378.138.246	13.904.970.904	(31,77)%
Lợi nhuận sau thuế	16.035.861.577	10.121.802.052	(36,88)%

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,81	1,34
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,89	0,14

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,401	0,539
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,765	1,648

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

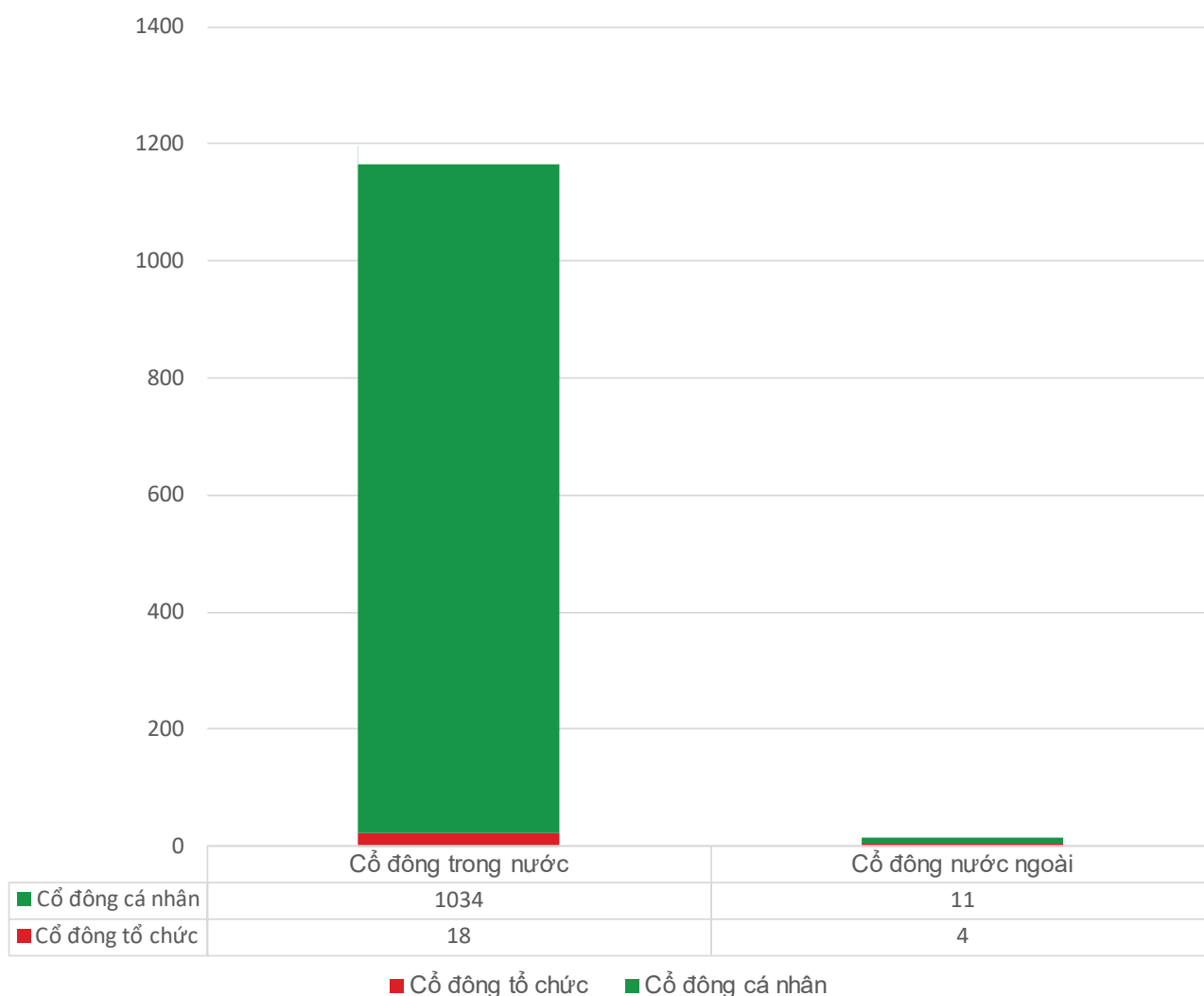
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,509	2,775
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,139	1,231

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,044	0,0165
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,032	0,0134
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,085	0,0504

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông của Công ty



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần
I	Cổ đông trong nước	1052	14.423.047
1	Cổ đông tổ chức	18	2.982.110
2	Cổ đông cá nhân	1034	11.440.937
II	Cổ đông nước ngoài	15	426.531
1	Cổ đông tổ chức	4	205.000
2	Cổ đông cá nhân	11	221.531

2.5.2. Cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Đức Khả	Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội	027059000022	5.148.000	51.480	34,67%
2	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội	0101079140	2.782.897	2.782	18,7%
3	Mai Thanh Phương	Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội	011401989	2.552.000	25.520	17,19%
4	Nguyễn Thị Huyền Thương	Nam Đồng - Đống Đa – Hà Nội.	012142742	607.603	1.100	0,74%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

3.1. Đặc điểm môi trường kinh doanh

Quy mô nền kinh tế năm 2018 theo giá hiện hành đạt 5,5 triệu tỷ đồng; GDP bình quân đầu người đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, trong đó quý I tăng 7,38%; quý II tăng 6,79%; quý III tăng 6,88%; quý IV tăng 7,31%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2008-2017, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Đối với ngành điện lạnh – gia dụng, năm 2018 là năm chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành. Hội nhập sâu rộng và toàn diện dẫn đến việc cạnh tranh gay gắt trên thị trường, các hãng điều hòa không khí Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan đua nhau sản xuất và đưa ra thị trường thị trường sản phẩm giá rẻ, làm cho sự cạnh tranh càng trở nên phức tạp và khốc liệt.

Bên cạnh đó, tốc độ giải ngân vốn đầu tư công (ĐTCC) chậm chạp vẫn là điểm nghẽn lớn nhất của tăng trưởng trong năm 2018. Các nhóm giải pháp ngắn hạn điều hành nền kinh tế hầu hết đều đã phát huy tác dụng, chỉ còn giải ngân vốn ĐTCC là chưa có giải pháp căn cơ để tháo gỡ cũng là những nguyên nhân gây ảnh hưởng lớn tới ngành điện lạnh - gia dụng.



7.08%

GDP 2018

3.2. Đánh giá kết quả kinh doanh 2018.

Kết quả hoạt động SXKD 2018:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt
1.	Doanh thu:	600.000.000.000	767.829.725.239	128%
2.	Lợi nhuận sau thuế:	18.000.000.000	10.121.802.052	56,2%

Năm 2018, doanh thu đạt 128%, lợi nhuận sau thuế đạt 56,2% so với kế hoạch đề ra.

3.3. Những vấn đề khác của Công ty năm 2018

- Nhân sự: Trong năm 2018 Tập đoàn Nagakawa đã tập trung cải tiến cơ cấu tổ chức với đội ngũ nhân sự có trình độ cao, chuyên môn vững cũng như áp dụng chính sách quản lý hiện đại nhằm bảo đảm quyền lợi cho CBCNV và thu hút nhân lực..

- Công nghệ: Năm 2018, Công ty đã cho ra mắt các sản phẩm mới:

+ Nagakawa Inverter:

Điều hòa Inverter cao cấp thế hệ mới, tiết kiệm điện năng, đạt chuẩn 5 sao, hoạt động êm ái với độ bền cao.



+ Temperate TL:

Điều hòa không khí treo tường Nagakawa Temperate TL với thiết kế sang trọng, tinh tế, phù hợp với mọi không gian hiện đại.



Sản phẩm Gia dụng:

đầu tư vào chất lượng sản phẩm, bổ sung thêm những tính năng tiện ích đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng

- Thực hiện việc công bố thông tin trên thị trường đầy đủ, đúng hạn, minh bạch.



3.4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2019.

3.4.1. Dự báo thị trường năm 2019:

- Kinh tế thế giới:

- + Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 sẽ đạt mức 2,9% giảm 0,2% so với năm 2018 do căng thẳng thương mại ngày càng leo thang, đồng thời một số nền kinh tế mới nổi đang chịu sức ép lớn từ thị trường tài chính.
- + Việc FED tăng lãi suất sẽ tiếp tục gây áp lực lên tỷ giá USD.
- + Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn tiếp diễn khó lường.
- + Các chuyên gia kinh tế cho rằng lạm phát leo thang và đồng USD mạnh lên cũng sẽ là hai yếu tố hiện hữu tạo ra thách thức đối với nền kinh tế thế giới, đe dọa làm giảm trao đổi thương mại toàn cầu.
- + Bên cạnh đó, Hội nhập sâu rộng với nhiều Hiệp định được ký kết: FTA, CPTPP,... giúp đầu tư nước ngoài tăng mạnh, tạo nhiều cơ hội đầu tư mới hơn nữa cho chúng ta.

- Kinh tế trong nước:

- + Đưa ra những triển vọng kinh tế Việt Nam 2019, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia cho biết, triển vọng về nền kinh tế đã liên tục được cải thiện trong những năm qua và được dự báo tiếp tục tăng trong năm 2019.
- + Ngoài ra, kinh tế Việt Nam có thể được hỗ trợ bởi các yếu tố quốc tế như hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển sản xuất, do tác động của chiến tranh thương mại và triển vọng từ các hiệp định mới như CPTPP và các các FTAs khác
- + Kế hoạch mục tiêu GDP năm 2019 tăng trưởng 7%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân giữ ở mức dưới 3,6%
- + Việc thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016 – 2020 của Chính phủ sẽ là nhân tố quan trọng đối với tình hình kinh tế Việt Nam.



3.4.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2019.

- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2018 và dự báo tình hình thị trường năm 2019, Tập đoàn Nagakawa đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2019 như sau:

860 tỷ đồng
DOANH THU

12 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế

- Nhân sự:

Giữ nguyên cơ cấu, quy mô, tổ chức nhân sự

- Công nghệ:

- + Tiếp tục tập trung phát triển theo hướng lấy sản xuất và kinh doanh sản phẩm điện lạnh - gia dụng làm lĩnh vực chủ lực, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến từng người tiêu dùng.
- + Thường xuyên khảo sát hành vi và tâm lý tiêu dùng của người dân Việt Nam cùng với việc nghiên cứu các sản phẩm, công nghệ mới trên thế giới để một mặt nâng cao chất lượng sản phẩm, bổ sung thêm các tính năng hiện đại.
- + Đầu tư công nghệ & nhân sự để nghiên cứu đưa vào sản xuất đa dạng điều hòa công suất lớn và ĐH trung tâm.
- + Đầu tư kinh doanh sản xuất, phát triển sản phẩm mới.
- + Đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 1,5 – 2% năm.
- + Tăng cường triển khai thi công các dự án lắp đặt máy điều hòa trung tâm cho các công trình xây dựng, hoạt động kỹ thuật dịch vụ của công ty Nagakawa IDT

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

4.1. Đánh giá các mặt hoạt động của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2018.

Năm 2018, về cơ bản công ty giữ nguyên quy mô, cơ cấu tổ chức nhân sự. Với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, doanh thu và lợi nhuận có sự biến động ngược chiều; Cụ thể Tổng doanh thu đạt 767.829.725.239 VNĐ, tăng 50,8% so với năm 2017; tổng lợi nhuận sau thuế đạt 10.121.802.052 VNĐ, giảm 36,9% so với năm 2017.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý:

- HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc theo đúng Điều lệ công ty một cách minh bạch thông qua việc quản lý, điều hành cũng như tham gia các buổi họp giao ban của Ban điều hành.
- HĐQT cũng đã tiến hành họp các phiên thường kỳ để ban hành các Nghị quyết/Quyết định kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện.
- Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã được quy định trong các văn bản liên quan

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc:

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc tại cuộc họp Hội đồng quản trị mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động điều hành và quản lý công ty; HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp một cách nghiêm túc và có trách nhiệm cao. Ban Tổng giám đốc đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả kinh doanh đạt được mục tiêu về doanh thu, mở rộng thị phần.

4.2. Hoạt động của HĐQT năm 2018.

Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và điều lệ của Tập đoàn Nagakawa. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của HĐQT một cách trung thực.

Đồng thời, nâng cao chất lượng quản trị và vận hành, chú trọng hơn nữa công tác dự báo để chủ động điều chỉnh và đưa ra các giải pháp phù hợp, đảm bảo mọi nguồn lực sẵn sàng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CỔ PHẦN NẤM GIỮ	GHI CHÚ
1	Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch HĐQT	5.148.000 cổ phần	
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó CT HĐQT	607.603 cổ phần	
3	Đào Thị Soi	TV HĐQT	2.772.897 cổ phần	<i>Đại diện CT TNHH PT KT QT Anh Vũ</i>
4	Nguyễn Ngọc Quý	TV HĐQT	11.800 cổ phần	
5	Trương Đào Hải Hà	TV HĐQT	0 cổ phần	Thành viên độc lập

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập tiểu ban nhưng có phân công 01 thành viên HĐQT phụ trách quản trị rủi ro.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%	
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó CT HĐQT	8/8	100%	
3	Đào Thị Soi	TV HĐQT	8/8	100%	
4	Nguyễn Ngọc Quý	TV HĐQT	8/8	100%	
5	Trương Đào Hải Hà	TV HĐQT	8/8	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: Tốt

5.2. Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	10/08/1977	011795441	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Vũ Tiến Thành	17/08/1989	125348724	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Vũ Thị Hải Yến	13/11/1983	125858357	Thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của công ty nhằm đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời đã tiến hành họp định kỳ và thực hiện các hoạt động sau:

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá các hoạt động tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đảm bảo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán.

5.3. Lương và thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2018

Theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị nhận thù lao 2% lợi nhuận trước thuế và Ban kiểm soát nhận 0,5% lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, và tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018, nên Hội đồng quản trị nhận thù lao 0,5% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông, Ban kiểm soát nhận thù lao 0,5% theo Nghị quyết Đại hội cổ đông. Thù lao năm 2018 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ được Đại hội cổ đông năm 2019 thông qua.

Thù lao trả cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được trả vào cuối năm, sau khi có lợi nhuận.

5.4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : Không có

5.5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện nghiêm túc

- Đối với người lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	242	100%
1	Thạc sỹ	07	3%
2	Đại học	215	85%
3	Cao đẳng	21	8%
4	Khác	11	4%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	254	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	52	20.7%
2	Hợp đồng xác định thời hạn	202	79.3%

Với phương châm nhân sự là giá trị cốt lõi trong hoạt động của Công ty, vì vậy Công ty luôn chú trọng xây dựng các chính sách nhân sự hợp lý cũng như môi trường làm việc để mang lại những giá trị toàn diện cho đội ngũ cán bộ công nhân viên

- **Môi trường làm việc:** Tập đoàn Nagakawa luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập, sáng tạo của nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

- Các chính sách khen thưởng, đãi ngộ cho CBCNV được Tập đoàn Nagakawa xây dựng trên cơ sở công bằng, minh bạch và tương xứng với năng lực, kết quả công việc. Chính sách được áp dụng xứng đáng, kịp thời; hệ thống đãi ngộ gồm:

- + Lương cơ bản (12 tháng)
- + Lương tháng thứ 13 được chi trả vào dịp Tết Nguyên đán
- + Các phụ cấp: điện thoại, ăn trưa, công tác phí, kiêm nhiệm,...
- + Phúc lợi xã hội: bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp.

- **Chính sách tuyển dụng:** Công ty luôn đề cao năng lực của người lao động cũng như tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc.

- Đối với cộng đồng – xã hội

- + Nâng cao tính công khai – minh bạch trong việc công bố thông tin trên thị trường.
- + Tập đoàn Nagakawa luôn đồng hành và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, các chương trình thiện nguyện: Giải chạy Nagakawa, Festival Niềm tin ánh sáng,....

- Đối với môi trường

- + Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về môi trường
- + Sử dụng, kiểm soát tốt hơn việc tiêu thụ năng lượng, nước trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; theo dõi việc tiêu thụ điện, nước, xăng dầu định kỳ hàng tháng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7.1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán và xác nhận:

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”

7.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	554.916.595.120	312.162.876.991
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	18.783.920.699	11.835.973.518
1. Tiền	111	18.783.920.699	8.835.973.518
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	39.982.597.297	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	39.982.597.297	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	199.524.834.499	137.640.610.527
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	149.054.269.759	99.905.903.909
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	31.973.077.753	36.739.853.544
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	16.600.000.000	2.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.989.395.354	4.989.395.354
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(3.091.908.367)	(3.091.908.367)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	285.849.637.349	160.381.293.161
1. Hàng tồn kho	141	287.141.997.965	160.902.236.877
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(1.292.360.616)	(520.943.716)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	10.775.605.276	2.304.999.785
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.356.360.774	537.375.104
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	7.240.666.086	1.559.028.058
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	178.578.416	208.596.623
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	58.884.516.235	48.640.568.954
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	790.000.000	251.600.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	790.000.000	251.600.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	29.147.155.663	26.998.594.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	24.117.993.212	22.383.798.765
- Nguyên giá	222	105.155.384.670	98.473.691.458
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(81.037.391.458)	(76.089.892.693)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.029.162.451	4.614.795.919
- Nguyên giá	228	5.259.508.519	4.748.758.519
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(230.346.068)	(133.962.600)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	25.520.188.958	18.774.404.512
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	20.520.188.958	18.774.404.512
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	3.427.171.614	2.615.969.758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.950.796.233	2.205.088.056
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.476.375.381	410.881.702
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
VII. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	613.801.111.355	360.803.445.945

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	413.049.978.995	171.744.727.002
I. Nợ ngắn hạn	310	412.094.290.109	169.330.414.499
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	41.125.181.441	8.774.372.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21.710.023,117	3.252.787.102
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	9.660.941.892	4.871.143.806
4. Phải trả người lao động	314	2.282.309.788	2.933.098.275
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.895.382.948	4.783.743.961
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	121.528.273	121.528.273
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	719.007.960	190.374.742
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	329.825.477.203	142.349.199.384
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	3.545.822.488	1.996.643.478
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	208.614.999	57.523.033
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	955.688.886	2.414.312.503
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	955.688.886	2.414.312.503
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	200.751.132.360	189.058,718,943
I. Vốn chủ sở hữu	410	200.751.132.360	189.058.718.943

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.313.907.820	4.552.406.231
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.398.868.482	19.141.346.979
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	10.650.456.755	3.494.410.428
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	10.748.411.727	15.646.936.551
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	19.870.486.058	11.197.095.733
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	613.801.111.355	360.803.445.945

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	767.829.725.239	509.108.192.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12.088.634.199	6.424.908.363
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	755.741.091.040	502.683.284.393
4. Giá vốn hàng bán	11	621.587.966.837	402.448.524.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	134.153.124.203	100.234.760.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.702.408.177	1.208.355.182
7. Chi phí tài chính	22	23.879.440.043	11.263.670.827
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	22.534.630.839	10.776.979.692
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.745.784.446	1,048,696,418
9. Chi phí bán hàng	24	86.847.528.340	56.106.940.893
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22.644.467.857	20.201.481.807
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	6.229.880.586	14.919.718.376
12. Thu nhập khác	31	9.089.802.399	6.599.856.795
13. Chi phí khác	32	1.414.712.081	1.141.436.925
14. Lợi nhuận khác	40	7.675.090.318	5.458.419.870
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.904.970.904	20.378.138.246
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.848.662.532	4.407.594.918
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(1.065.493.680)	(65.318.249)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.121.802.052	16.035.861.577
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	10.748.411.727	15.646.936.551
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(626.609.675)	388.925.026
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	709	1.033

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.904.970.904	20.378.138.246
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	5.043.882.233	4.283.044.596
- Các khoản dự phòng	03	2.320.595.910	(5.513.052.074)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	574.575.082	3.184.862
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.555.132.537)	(862.371.650)
- Chi phí lãi vay	06	10.776.979.692	7.388.025.599
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.823.522.431	29.065.923.672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(56.270.119.118)	(1.835.482.142)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(126.239.761.088)	(5.335.304.637)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	57.496.894.813	(9.348.250.432)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.564.693.847)	(546.778.489)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(21.339.608.177)	(10.741.651.424)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.318.883.024)	(8.243.599.263)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(153.508.669)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(109.566.156.679)	(6.985.142.715)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.498.425.546)	(9.881.227.228)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	205.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(115.854.000.000)	(51.089.975.800)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	57.304.000.000	53.096.975.800
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.870.911.038	1.130.597.589

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(62.177.514.508)	(6.538.129.639)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	766.561.398.147	343.115.406.915
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(580.543.743.945)	(317.721.790.223)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.326.148.075)	(8.580.062.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	178.691.506.127	16.813.554.479
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.947.834.940	3.290.282.125
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.835.973.518	8.545.805.292
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	112.241	(113.899)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	18.783.920.699	11.835.973.518

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Đức Khả



NHÀ MÁY NAGAKAWA

ĐC: Khu 9 P. Phúc Thắng, TP. PhúcYên, T. Vĩnh Phúc, Việt Nam
ĐT: 0211 3873 568
Fax: 0211 3530 265



CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ NAGAKAWA

ĐC: Tầng 2 tòa nhà 96A Định Công, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
ĐT: 024 3215 1329
Fax: 024 3215 1324



NAGAKAWA ĐÀ NẴNG

ĐC: Số 94 đường Nam Trân, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3649 880
Fax: 0236 3649 881



NAGAKAWA HỒ CHÍ MINH

25 Đoàn Thị Điểm, phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0283 9901 602
Fax: 0283 3990 1605



TRUNG TÂM TƯ VẤN & CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

ĐC: Tầng 2 tòa nhà 96A Định Công, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 024 3215 1325
Fax: 024 3215 1329

HOTLINE



1900 54 54 89

www.nagakawa.com.vn